VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

- Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính,

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 806/TTg-KTTH ngày 30 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh như sau: [2]

---

[2] Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh."

Mục 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 và khoản 8 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng qua các cửa khẩu sân bay quốc tế, cảng biển quốc tế có đủ điều kiện quản lý nhà nước về hải quan (sau đây gọi tắt là cửa khẩu hoàn thuế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải (sau đây gọi tắt là người nước ngoài) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh do nước ngoài cấp còn giá trị và sử dụng giấy tờ đó để nhập xuất cảnh Việt Nam, mua hàng hóa tại Việt Nam và mang theo hàng hóa ra nước ngoài qua các cửa khẩu hoàn thuế.

2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan, cơ quan thuế, công chức thuế có liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3) Doanh nghiệp được lựa chọn bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh, bao gồm: doanh nghiệp, chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp, đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bán hàng).

4) Ngân hàng thương mại được lựa chọn là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là ngân hàng thương mại).

5) Tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế [3]

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa, giám sát hải quan, quản lý thuế đối với việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 23/5/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Địa điểm kiểm tra hàng hóa, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và địa điểm trả tiền hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Địa điểm kiểm tra hàng hóa, hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được đặt trong khu vực làm thủ tục gửi hành lý và/hoặc khu vực kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển và đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đủ diện tích mặt bằng cần thiết để sắp xếp, kiểm tra hàng hóa, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;

b) Có quầy (hoặc kiốt) riêng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, trật tự.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Địa điểm trả tiền hoàn thuế giá trị gia tăng được đặt trong khu vực cách ly sân bay quốc tế, khu vực hoàn thuế tại cảng biển quốc tế, có quầy (hoặc kiốt) riêng, đảm bảo các điều kiện về quản lý tiền, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật.

Điều 4a. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài và cách truy cập[4]

1. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống tích hợp, lưu trữ, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Thông tư này do Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành.

2. Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống:

a) Cơ quan hải quan;

b) Cơ quan thuế;

c) Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài;

d) Doanh nghiệp được cơ quan thuế công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3. Truy cập, trao đổi thông tin qua Hệ thống:

a) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này sử dụng tài khoản cơ quan hải quan cấp để truy cập Hệ thống.

b) Cơ quan thuế thực hiện cung cấp thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho Hệ thống theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

---

[4] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

c) Ngay sau khi nhận được thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế truyền đến Hệ thống, cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan) gửi tài khoản và mật khẩu truy cập Hệ thống cho doanh nghiệp qua địa chỉ thư điện tử đã được doanh nghiệp đăng ký.

d) Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng truy cập Hệ thống và thay đổi mật khẩu truy cập Hệ thống.

đ) Việc truy cập, trao đổi thông tin giữa các đơn vị, tổ chức qua Hệ thống phải đảm bảo đúng thẩm quyền và phải ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài

1. Được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Được hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

3. Kiểm tra các thông tin ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế (sau đây gọi tắt là hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế) do doanh nghiệp bán hàng lập khi mua hàng theo mẫu quy định tại *Phụ lục 3*[5] Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp, trung thực của hộ chiếu, giấy tờ nhập, xuất cảnh xuất trình cho doanh nghiệp bán hàng khi mua hàng; hộ chiếu, giấy tờ nhập xuất cảnh, hàng hóa, hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế xuất trình cho cơ quan hải quan và hồ sơ xuất trình cho ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế khi xuất cảnh.

---

[5] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

5. Nộp hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và xuất trình hàng hóa chậm nhất 30 phút để cơ quan hải quan kiểm tra trước khi tàu bay/tàu biển khởi hành.

6. Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

7. Tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức hải quan, công chức thuế và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Được áp dụng các hình thức tuyên truyền, quảng cáo bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.

2.[6] Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. Trường hợp điều chỉnh hoặc chấm dứt bán hàng hoàn thuế, phải thực hiện điều chỉnh hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Trưng Biển thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng (nội dung thể hiện bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và gỡ bỏ Biển thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng khi chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế.

4. Được cơ quan thuế, cơ quan hải quan hướng dẫn việc thực hiện liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

5. Hỗ trợ, hướng dẫn người nước ngoài thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo hướng dẫn tại Thông tư này.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

6.[7] Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hóa được mua, doanh nghiệp bán hàng lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa quy định tại Điều 11 Thông tư này trên Hệ thống hoặc phần mềm của doanh nghiệp kết nối với Hệ thống, nhập đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 3[8] Thông tư này, ký số, truyền các thông tin về hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại mục II.1 Phụ lục 10[9] Thông tư này cho cơ quan hải quan, in hóa đơn và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra có giá trị như chứng từ điện tử.

Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, doanh nghiệp không truy cập được vào Hệ thống, doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3[10] Thông tư này, ký, đóng dấu và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra là cơ sở để cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu với hàng hóa của người nước ngoài.

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[8] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[9] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[10] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, doanh nghiệp bán hàng cập nhật các thông tin đã lập tại hóa đơn giấy vào Hệ thống như trường hợp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống. Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được cập nhật trên Hệ thống phải đảm bảo trùng khớp về số, ký hiệu, nội dung thể hiện trên hóa đơn giấy.

7.[11] In, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế điện tử theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

8.[12] Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.

9. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại

1. Được cơ quan hải quan, cơ quan thuế hướng dẫn việc triển khai thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2. Trưng Biển thông báo ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế (nội dung thể hiện bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và gỡ bỏ Biển thông báo ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng khi chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế.

3. Được hưởng tiền phí dịch vụ hoàn thuế khi thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

4. Kê khai, nộp các khoản thuế theo quy định đối với số tiền phí dịch vụ hoàn thuế được hưởng khi thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

5. Kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, bố trí nhân sự, cơ sở vật chất, ứng trước và thực hiện hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, làm thủ tục thanh toán với cơ quan thuế theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư này.

6. Bán ngoại tệ tự do chuyển đổi cho người nước ngoài được hoàn thuế khi người nước ngoài yêu cầu chuyển đổi số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn sang ngoại tệ, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.

7. Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài và hồ sơ thanh toán tiền ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thông báo thông tin vi phạm phát hiện qua công tác kiểm tra hồ sơ hoàn thuế cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9.[13] Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.

10. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan hải quan

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2. Kiểm tra hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh, hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, kiểm tra hàng hóa người nước ngoài xuất trình tại địa điểm kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

3. Chi cục trưởng Chi cục hải quan quyết định việc tiếp nhận hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa xuất trình chậm sau thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

4.[14] Tổng cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này và tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trình Bộ Tài chính lựa chọn sân bay, cảng biển quốc tế áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đảm bảo hiệu quả kinh tế, đáp ứng yêu cầu quản lý.

5.[15] Cập nhật thông tin theo các chỉ tiêu quy định tại mục II.2 Phụ lục 10[16] Thông tư này vào Hệ thống.

6. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả người nước ngoài, tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên.

---

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[16] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

7.[17] Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này. Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan thông báo theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 11 [18] Thông tư này trên Trang thông tin điện tử hải quan (www.customs.gov.vn) để các đơn vị có liên quan biết.

7a.[19] Ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản với Cục thuế quản lý doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3[20] Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

---

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[18] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[20] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

b) Doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế với các thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định tại Phụ lục 3 [21] *Thông tư này hoặc không đầy đủ, chính xác, khớp đúng với hàng hóa thực tế;*

c) Doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

9. Xử phạt, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thuế

1. Hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

2.[22] *Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này. Thực hiện công khai Danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và Cục thuế nơi công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban*

---

[21] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[22] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

hành văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này; đồng thời ký số và truyền thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại mục II.4 Phụ lục 10[23] *Thông tư này đến Hệ thống theo phương thức điện tử.*

2a.[24] *Ngay sau khi nhận được thông tin của cơ quan hải quan về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và xử lý theo quy định.*

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3[25] *Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống thì trên cơ sở thông tin của cơ quan hải quan cung cấp, cơ quan thuế lập biên bản vi phạm. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn theo Phụ lục 3*[26] *hoặc lập nhưng không truyền đến Hệ thống lần thứ hai thì cơ quan thuế thực hiện xử phạt hành*

---

[23] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[25] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[26] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

chính về thuế, hóa đơn (nếu có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn), đồng thời xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

3. Kiểm tra hồ sơ, làm thủ tục thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả cho người nước ngoài và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng để Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển tiền theo hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Lưu trữ hồ sơ thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng, tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả người nước ngoài (khi đối chiếu có danh sách chi tiết kèm theo), tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên.

6. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hóa đơn theo quy định của pháp luật.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

8.[27] Tham gia, kết nối vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.

9. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước

1. Chuyển cho ngân hàng thương mại số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

---

[27] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2.[28] Định kỳ tháng, năm, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh đối chiếu, xác nhận báo cáo kế toán hoàn thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế đồng cấp theo quy định.

3. Lưu trữ hồ sơ chuyển tiền hoàn trả số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước và tiền phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thanh toán thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được giao.

5.[29] *(được bãi bỏ)*

6. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 11. Hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng là hàng hóa đáp ứng quy định sau:

1.[30] Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương hoặc Danh mục hàng

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[29] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn Nghị định này.

3. Hàng hóa không thuộc đối tượng cấm đưa lên tàu bay quy định tại Điều 12 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Hàng hóa không thuộc các mặt hàng được hoàn thuế giá trị gia tăng của người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

5.[31] Hàng hóa mua tại doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai, nguyên kiện khi mua hàng, có hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 (sáu mươi) ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

6. Trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế mua tại 01 (một) cửa hàng trong 01 (một) ngày (kể cả cộng gộp nhiều hóa đơn mua hàng trong cùng 01 ngày tại 01 cửa hàng) tối thiểu từ 02 (hai) triệu đồng trở lên.

Điều 12. Phí dịch vụ hoàn thuế, số tiền được hoàn thuế, đồng tiền hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng bằng 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế.

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại của Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn bằng 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế.

3. Đồng tiền hoàn thuế là đồng Việt Nam. Trường hợp người nước ngoài có yêu cầu được chuyển số tiền hoàn thuế từ đồng Việt Nam sang ngoại tệ tự do chuyển đổi thì ngân hàng thương mại thực hiện bán ngoại tệ cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Tỷ giá chuyển đổi là tỷ giá do ngân hàng thương mại niêm yết tại thời điểm chuyển đổi và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Điều 13. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng[32]

1. Để được lựa chọn là doanh nghiệp bán hàng, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, kinh doanh các mặt hàng được hoàn thuế theo quy định tại Điều 11 Thông tư này tại một trong các địa điểm sau đây:

- Trụ sở chính của doanh nghiệp;

- Chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp;

- Địa điểm đặt đại lý bán hàng cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

---

[32] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

c) Cam kết tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế:

a) Công văn đăng ký tham gia bán hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1[33] *Thông tư này;*

b) Hợp đồng bán hàng đại lý ký giữa doanh nghiệp đăng ký bán hàng với cửa hàng bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp): 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận "sao y" của doanh nghiệp.

3. Thủ tục chọn doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký bán hàng hoàn thuế tại chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính thì chi nhánh, cửa hàng gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp;

b) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ;

- Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ có văn bản trả lời cho doanh nghiệp;

- Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận theo mẫu ban

---

[33] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 1 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

hành kèm theo Phụ lục 2[34] *Thông tư này và gửi cho doanh nghiệp (đối với trường hợp cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp là Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Chi cục thuế gửi hồ sơ đề nghị Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng (đối với trường hợp cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp là Chi cục thuế). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Chi cục thuế, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có văn bản công nhận theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 2*[35] *Thông tư này và gửi cho doanh nghiệp.*

Điều 14. Đăng ký điều chỉnh, chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng

Trường hợp doanh nghiệp đã được Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thông báo đủ điều kiện bán hàng, nếu có điều chỉnh hoặc chấm dứt việc đăng ký bán hàng hoàn thuế thì xử lý như sau:

1. Trường hợp điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế:

a) Doanh nghiệp gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp công văn đăng ký điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 [36] Thông tư này; Hợp đồng bán hàng đại lý

---

[34] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 2 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[35] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 2 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[36] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 8 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

ký giữa doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế với cửa hàng nhận bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp): 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp;

b) Thủ tục thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

2. Trường hợp chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế:

a) Chậm nhất là 30 ngày trước ngày chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế, doanh nghiệp gửi công văn thông báo chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;

b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được công văn của doanh nghiệp, cơ quan thuế quản lý trực tiếp kiểm tra, có văn bản báo cáo Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản gửi doanh nghiệp, cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại thông báo về việc chấm dứt bán hàng hoàn thuế đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tháo bỏ Biển thông báo doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đã dán tại cửa hàng khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.

3.[37] Trường hợp doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng, tùy hành vi và mức độ vi phạm, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp bị lập biên bản đến lần thứ hai về hành vi không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3[38] Thông tư này hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng

---

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[38] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

không truyền đến Hệ thống, ngoài việc xử lý vi phạm hành chính (nếu có), Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế, truyền thông tin đến Hệ thống theo phương thức điện tử, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế và Tổng cục Thuế.

Điều 15. Điều kiện, thủ tục lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Điều kiện: Là ngân hàng thương mại được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

2.[39] Thủ tục lựa chọn:

Ngân hàng thương mại nộp cho Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) các giấy tờ sau đây:

a) Công văn đăng ký tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, có các thông tin về chữ ký số của ngân hàng thương mại bao gồm số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai;

b) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận "sao y" của ngân hàng thương mại.

3.[40] Tổng cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do ngân hàng thương mại gửi.

a) Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho ngân hàng bổ sung hồ sơ;

---

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

b) Nếu hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời cho ngân hàng;

c) Nếu hồ sơ đầy đủ, đáp ứng các điều kiện quy định, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) có văn bản thông báo ngân hàng thương mại đủ điều kiện tham gia đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng và cấp tài khoản truy cập Hệ thống cho ngân hàng thương mại.

4.[41] *(được bãi bỏ)*

Điều 16. Chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Trường hợp ngân hàng thương mại đã được Bộ Tài chính có văn bản thông báo đủ điều kiện làm đại lý hoàn thuế, nếu chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế thì thực hiện như sau:

a) Hồ sơ: Chậm nhất là 60 (sáu mươi) ngày trước ngày chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế, Ngân hàng thương mại gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) công văn thông báo đề nghị chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế;

b) Thủ tục:

b1) Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của ngân hàng thương mại, Tổng cục Hải quan trình Bộ Tài chính có văn bản thông báo về việc chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế cho ngân hàng thương mại, đồng thời gửi cơ quan thuế, Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị có liên quan;

b2) Ngân hàng thương mại tháo bỏ Biển thông báo là ngân hàng đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế.

---

[41] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Trường hợp ngân hàng thương mại vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế.

a) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) có văn bản yêu cầu chấm dứt việc làm đại lý hoàn thuế cho ngân hàng thương mại, đồng thời gửi cơ quan thuế, Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị có liên quan;

b) Ngân hàng thương mại tháo bỏ Biển thông báo là ngân hàng đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài tại quầy làm thủ tục hoàn thuế khi chấm dứt bán hàng hoàn thuế

Điều 17. Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh được thực hiện ngay sau khi người nước ngoài hoàn thành thủ tục kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế tại quầy hoàn thuế của ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế và trước giờ lên tàu bay/tàu biển của chuyến bay/chuyến tàu người nước ngoài xuất cảnh.

2. Cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức làm việc trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, chủ nhật và ngoài giờ làm việc hành chính để thực hiện hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. In, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế giá trị gia tăng

1.[42] Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế lập, sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

---

[42] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa đơn và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khi mua hàng, người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh do cơ quan nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng (bản chính) cho doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế. Doanh nghiệp căn cứ thông tin trên hộ chiếu, giấy tờ nhập xuất cảnh và hàng hóa người nước ngoài thực mua, lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại *Phụ lục 3* [43] Thông tư này.

3. Người nước ngoài kiểm tra các thông tin cửa hàng ghi nếu chưa khớp đúng đề nghị cửa hàng sửa lại, nếu đã chính xác thì ký vào hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

4. Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế khi khai hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng, tại "cột ghi chú" của Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra mẫu 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ ghi cụm từ "Thông tư số 72/2014/TT-BTC" tương ứng của dòng hóa đơn để làm cơ sở tổng hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

5.[44] *(được bãi bỏ)*

---

[43] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 3 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[44] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 19. Xuất trình, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa

1. Người nước ngoài xuất trình cho cơ quan hải quan tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, các giấy tờ sau đây:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh;

b) Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế;

c) Hàng hóa.

2.[45] Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế; thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống do doanh nghiệp bán hàng nhập và các quy định về hàng hóa được hoàn thuế quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hóa phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Trường hợp hàng hóa xuất trình không phù hợp với mô tả hàng hóa tại hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nêu tại Phụ lục 10[46] Thông tư này hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định hoặc hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế không có trên Hệ thống (trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố)

---

[45] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[46] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

thì cơ quan hải quan trao đổi, xác minh với doanh nghiệp bán hàng. Trường hợp thông tin trao đổi với doanh nghiệp bán hàng không khớp đúng với thông tin hàng hóa, hóa đơn và hộ chiếu thì cơ quan hải quan từ chối hoàn thuế;

c) Ghi kết quả kiểm tra, đóng dấu đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế. Trường hợp cơ quan hải quan đồng ý hoàn thuế thì xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

d) Cập nhật thông tin quy định tại mục II.2 Phụ lục 10[47] *Thông tư này vào Hệ thống, ký số.*

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan ký, đóng dấu xác nhận đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế vào hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

Điều 20. Hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài

1. Sau khi hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa đã được cơ quan hải quan kiểm tra, người nước ngoài có trách nhiệm xuất trình cho ngân hàng thương mại tại quầy hoàn thuế:

a) Thẻ lên tàu bay/tàu biển;

b) Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra xác định mặt hàng, tính số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn và đóng dấu xác nhận (bản chính).

2.[48] *Ngân hàng thương mại thực hiện:*

---

[47] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[48] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

a) Kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển; hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế; kiểm tra trên Hệ thống thông tin về người xuất cảnh, hàng hóa, xác nhận đồng ý hoàn thuế của cơ quan hải quan và số thuế được hoàn.

Trường hợp thông tin về tên hành khách trên thẻ lên tàu bay/tàu biển không đúng với thông tin trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra, xác nhận thì ngân hàng thương mại trao đổi, xác minh với cơ quan hải quan. Trường hợp, thông tin trao đổi với cơ quan hải quan không khớp đúng với thông tin trên thẻ lên tàu bay/tàu biển thì ngân hàng thương mại từ chối hoàn thuế và thông báo trên Hệ thống để cơ quan hải quan biết;

b) Cập nhật thông tin số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài và các thông tin khác quy định tại mục II.3 Phụ lục 10 [49] *Thông tư này vào Hệ thống hoặc trên phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;*

c) Trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài bằng tiền mặt hoặc qua thẻ quốc tế của người nước ngoài theo số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn do cơ quan hải quan tính ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

Trường hợp trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài qua thẻ quốc tế, ngân hàng đối chiếu thông tin (tên, số thẻ) người nước ngoài đăng ký nhận tiền hoàn thuế và thẻ thực tế xuất trình để thực hiện việc hoàn thuế.

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, ngân hàng thương mại căn cứ hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế giấy và xác nhận của cơ quan hải quan theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 19 Thông tư này, thực hiện hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này, đồng thời ký tên, đóng dấu xác

---

[49] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

nhận đã thanh toán tiền hoàn thuế cho người nước ngoài lên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, ngân hàng thương mại cập nhật các thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã hoàn thuế trên Hệ thống hoặc phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;

d) Trả lại người nước ngoài thẻ lên tàu bay/tàu biển;

đ) Lưu trữ hồ sơ hoàn thuế đối với chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định của pháp luật.

Điều 21.[50] Thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Định kỳ tối đa năm (5) ngày làm việc một lần, ngân hàng thương mại căn cứ tình hình thực tế, lập hồ sơ đề nghị thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế được hưởng trên Hệ thống và gửi Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế, Cục Hải quan địa phương nơi Ngân hàng thương mại thực hiện việc hoàn thuế. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế của kỳ thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này;

b) Bảng kê đề nghị thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 Thông tư này.

2. Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thanh toán của ngân hàng thương mại, căn cứ thông tin xác nhận hoàn thuế do cơ quan hải quan cung cấp theo đường điện tử, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại

---

[50] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

đăng ký, khai thuế ban hành Quyết định thanh toán theo mẫu quy định tại Phụ lục 7[51] *Thông tư này đồng thời lập Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đủ điều kiện hoàn thuế, gửi Ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước đồng cấp để thực hiện chuyển tiền cho ngân hàng thương mại.*

3. Căn cứ Quyết định thanh toán và Lệnh hoàn trả do Cục Thuế ban hành, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 và Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Việc hạch toán và luân chuyển chứng từ thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 và khoản 3 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, công chức thuế, công chức hải quan, doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan vi phạm quy định tại Thông tư này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ

---

[51] Phụ lục này thay thế cho Phụ lục 7 Thông tư số 72/2014/TT-BTC theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

quy định về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định này.

Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước doanh số bán ngoại tệ cho người nước ngoài theo quy định.

2.[52] Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của quý phát sinh nghĩa vụ thuế, doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế báo cáo cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc bán hàng cho người nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này và theo quy định do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành.

3.[53] Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 của tháng sau, Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bán hàng đăng ký, khai thuế chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước đối chiếu số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này; phối hợp với Cục Hải quan đồng cấp rà soát, đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp bán hàng đã kê khai hoặc đã nộp, tiền thuế giá trị gia tăng và tiền phí dịch vụ hoàn thuế đã thanh toán cho ngân hàng thương mại để đảm bảo khớp đúng số liệu giữa các bên. Trường hợp số liệu không khớp đúng, các cơ quan phối hợp tìm nguyên nhân và xử lý bảo đảm việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo đúng quy định.

---

[52] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[53] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

4.[54] Cục Thuế nơi Ngân hàng thương mại đăng ký, khai thuế tổng hợp báo kết quả và tình hình thanh toán, hoàn trả tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế cho ngân hàng thương mại; các Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả, tình hình bán hàng cho người nước ngoài của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế theo địa bàn quản lý với Tổng cục Thuế theo quy định do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành.

5. Định kỳ 6 tháng một lần chậm nhất vào ngày 10 của tháng 7 và ngày 10 của tháng 01, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính việc thực hiện quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh.

Mục 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp[55]

---

[54] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[55] Điều 3 của Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các doanh nghiệp đã được cơ quan thuế công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động và phải bổ sung thông tin chữ ký số theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 8 Thông tư này (trong trường hợp phần mềm kết nối với Hệ thống) hoặc truy cập Hệ thống, thay đổi mật khẩu (trong trường hợp sử dụng truy cập trực tiếp Hệ thống để in hóa đơn).

2. Chậm nhất trước tháng 6 năm 2020, Tổng cục Hải quan căn cứ thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế cung cấp cho Hệ thống, gửi thông tin tài khoản và mật khẩu truy cập Hệ thống cho doanh nghiệp qua địa chỉ thư điện tử đã được doanh nghiệp đăng ký.

Các đơn vị đang thực hiện thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh thì tiếp tục thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành[56]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014, thay thế Thông tư số 58/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 05/2012/QĐ-TTg ngày 19/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất; Quyết định số 1317/QĐ-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 58/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện một số nội dung của Quyết định số 05/2012/QĐ-TTg ngày 19/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

2. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

---

3. Khi Nghị định hướng dẫn về hóa đơn điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành thì hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế sẽ thực hiện theo quy định của Nghị định này và các văn bản hướng dẫn thực hiện."

[56] Điều 4 của Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, quy định như sau:

"Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./."

3. Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, doanh nghiệp, người nước ngoài thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng báo cáo, phản ánh cụ thể về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào quy định tại Thông tư này ban hành Quy trình thủ tục hải quan về kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa của người nước ngoài xuất cảnh, chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí cán bộ và phối hợp với Tổng cục Thuế hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thống nhất, bảo đảm vừa tạo điều kiện thông thoáng cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, vừa thực hiện tốt công tác quản lý hải quan.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế căn cứ vào quy định tại Thông tư này để ban hành Quy trình lựa chọn doanh nghiệp bán hàng; hướng dẫn cơ quan thuế các cấp, doanh nghiệp bán hàng, ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hướng dẫn tại Thông tư này trong phạm vi trách nhiệm được giao.

3. Cơ quan hải quan, cơ quan thuế, công chức hải quan, công chức thuế, người nước ngoài, doanh nghiệp bán hàng, ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 34/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Danh mục

CÁC PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ

STT	Tên Phụ lục, Biểu mẫu
01	*Phụ lục 1*[1]
02	*Phụ lục 2*[2]
03	*Phụ lục 3*[3]
04	*Phụ lục 4*[4]
05	Phụ lục 5
06	Phụ lục 6

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[2] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[3] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[4] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

STT	Tên Phụ lục, Biểu mẫu
07	*Phụ lục 7*[5]
08	*Phụ lục 8*[6]
09	Phụ lục 9
10	*Phụ lục 10*[7]
11	*Phụ lục 11*[8]

[5] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[6] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[7] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

[8] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Phụ lục[9]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v Đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp:.....(1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... (1).....

Số điện thoại.....; Số Fax:..... Email.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Số..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Ngành nghề kinh doanh:..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)

Nay, ...(1)..... đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014, Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tại các địa điểm sau:

---

[9] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

STT	Tên chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý (2)	Mã số thuế	Địa chỉ	Thông tin chữ ký số (3)	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý
1	2	3	4	5	6

.....(1) cam kết kinh doanh bán hàng hoàn thuế tại các địa điểm nêu trên, lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống khi bán hàng hoặc chuyển dữ liệu hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế đã lập đến Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

.....(1)..... kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... công nhận.....(1) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi tên, địa chỉ doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp đăng ký;

(2) Ghi tên chi nhánh/cửa hàng của doanh nghiệp/cửa hàng đại lý;

(3) Ghi chi tiết theo các thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai. Trường hợp các địa điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi một lần;

(4) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký điểm bán hàng cho chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý thì gửi cho cơ quan thuế nơi quản lý chi nhánh, cửa hàng, cửa hàng đại lý 01 bản để biết và thực hiện.

Phụ lục 2[10]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CT-....	*Hà Nội, ngày tháng năm*
V/v công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT	

Kính gửi:.....(1).....

Cục Thuế....(2)..... nhận được công văn số..... của...(1).... đề nghị được tham gia bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh. Sau khi xem xét hồ sơ.....(1)..... gửi, Cục Thuế...(2)... có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

---

[10] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cục Thuế...(2).... công nhận (1).....; Mã số thuế..... địa chỉ tại.....(3) là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Danh sách địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài như sau:

STT	Tên chi nhánh/cửa hàng/cửa hàng đại lý	Mã số thuế	Địa chỉ	Thông tin chữ ký số (4)	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh/cửa hàng/ cửa hàng đại lý
1	2	3	4	5	6

Tổng cục Hải quan sẽ cấp tài khoản truy cập Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài cho (1)..... vào địa chỉ email của doanh nghiệp đã đăng ký với Cục Thuế.....(2)

Sau khi cấp tài khoản truy cập vào Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài (1)..... truy cập Hệ thống, xác nhận thông tin với cơ quan hải quan, thay đổi mật khẩu truy cập Hệ thống và nhập thông tin việc bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài vào Hệ thống đồng thời thực hiện đúng quy định về việc bán hàng hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC, Thông tư số 92/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế.

Cục Thuế.....(2)... thông báo để.....(1)..... biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Tổng cục Thuế, TCHQ (để báo cáo);
- Chi Cục Thuế....;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký bán hàng hoàn thuế;

(2) Ghi tên Cục thuế địa phương lựa chọn và công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế;

(3) Ghi tên, địa chỉ của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế;

(4) Ghi chi tiết theo các thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai. Trường hợp các địa điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi một lần.

Phụ lục 3[11]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

***Appendix 3** (issued with Cirular No 92/2019/TT-BTC dated 31/12/2019 by Minister of Finance)*

Trang 1 *(Page 1)*

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):.....

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ

(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

..... ngày.... tháng..... năm.... *(.... day.... month.... year....)*

PHẦN A (do cửa hàng ghi) ***PART A (completed by retailer)***
1. Thông tin về doanh nghiệp *(Company's information)*
a. Tên đơn vị bán hàng *(Name of retailer)*:..... b. Mã số thuế *(Tax code)*:..... c. Địa chỉ *(Address)*:.....
2. Thông tin về khách hàng *(Tourist's information)*
a. Họ và tên *(Full name)*:..... b. Số hộ chiếu (*Passport number*)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (*Entry or exit documents*):..... Ngày cấp hộ chiếu (*Date of issue*)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (*Entry or exit documents*):..... Ngày hết hạn hộ chiếu (*Date of expiry*)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (*Entry or exit documents*):..... c. Quốc tịch *(Nationality)*:.....

[11] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

3. Thông tin về hàng hóa *(Commodities' information)*

STT *(No)*	Tên hàng hóa *(Name of goods)* *(1)*	Đơn vị tính *(Unit of measurement)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thuế suất *(Tax rate)*	Thành tiền chưa có thuế GTGT *(Amount excluding VAT)*	Tiền thuế GTGT *(VAT)*	Thành tiền có thuế GTGT *(Amount including VAT)*
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8=6x7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
....	.....							

Tổng tiền chưa có thuế GTGT *(Total excluding VAT)*:.....

Tổng số tiền thuế GTGT (*Total VAT)*:.....

Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:.....

Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):.....

Người nước ngoài mua hàng	Đại diện đơn vị bán hàng
(Tourist)	*(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)	*(Signature, stamp (if applicable) and full name)*

Trang 1/2 (*page 1/2*)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Trang 2 (*page 2*)

Mẫu số (Form No):
Ký kiệu (Reference No):
Số (No):.....

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)

.....ngày....tháng.....năm....*(....day.... month.... year....)*

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng;

Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)

- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (*Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)*

- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế.

(*Tourists shall claim for VAT refund when departuring from International Airport/International Seaport)*

Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) *(Part B (completed by customs))*

Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn *(Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)*

- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (*Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):*

STT *(No)*	Tên hàng *(Name of goods)*	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế *(VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)*	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)*
1	A			
2	B			
3	C			
....	...			
Tổng cộng *(Total)*				

.....ngày..... tháng..... năm..... *(..... day.... month... year...)*

Người kiểm tra (*Examination officer)*

(Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (*Signature, stamp and full name)*

PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) ***Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)***
- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh: *(Date and number of the Flight/Ship of the tourist)* - Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh: *(VAT amount refunded for the tourist)* - Hình thức thanh toán *(Payment methods):* + Tiền mặt *(Cash)* □ + Qua thẻ quốc tế (*Via international card*) □ ++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ) Card number (*first six and last four digits of a card*) ++ Tên thẻ: *(Cardholder name)* ..... ngày... tháng.... năm..... (..... *day.... month..... year....)* *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)*

Phụ lục 4[12] ***(được bãi bỏ)***

[12] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên Ngân hàng thương mại	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v thanh toán tiền hoàn thuế giá trị gia tăng và tiền phí dịch vụ hoàn thuế.	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

Kính gửi: Cục Thuế.....

Tên Ngân hàng thương mại: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại.....; Số Fax:..... Email.....

Ngân hàng...(1).....là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo công văn số.....ngày của Bộ Tài chính.....

Trong thời gian từ ngày..... đến ngày..... Ngân hàng...(1)..... đã ứng trước và hoàn trả cho người nước ngoài số tiền thuế giá trị gia tăng là:..... đồng và được hưởng số tiền phí dịch vụ hoàn thuế là..... đồng. Chi tiết theo Bảng kê kèm theo.

Đề nghị Cục Thuế..... thực hiện thanh toán số tiền trên vào Tài khoản số..... tại Ngân hàng..... theo quy định.

Ngân hàng.....(1)..... cam kết số liệu kê khai tại công văn này và Bảng kê kèm theo là đúng và chịu trách nhiệm về những số liệu đã khai.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu...	**Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: (1): ghi tên Ngân hàng thương mại

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số BK...../201...

BẢNG KÊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ỨNG TRƯỚC HOÀN TRẢ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ PHÍ DỊCH VỤ HOÀN THUẾ

(Kèm theo công văn số..... đề nghị thực hiện thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn trả cho người nước ngoài xuất cảnh và tiền dịch vụ hoàn thuế ngân hàng được hưởng, từ ngày..... đến ngày.....)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam (VND)

STT	Hóa đơn GTGT (kiêm tờ khai hoàn thuế)			Ngày đã hoàn thuế cho người nước ngoài	Số tiền đề nghị thanh toán			Ghi chú
	Ký hiệu/Số/ ngày tháng năm phát hành	Tên doanh nghiệp bán hàng/MST	Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn		Số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	Số tiền dịch vụ ngân hàng thương mại được hưởng	Tổng số tiền đề nghị thanh toán	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8 = 6 + 7*	*9*
1								
2								
...								

STT	Hóa đơn GTGT (kiêm tờ khai hoàn thuế)			Ngày đã hoàn thuế cho người nước ngoài	Số tiền đề nghị thanh toán			Ghi chú
	Ký hiệu/Số/ ngày tháng năm phát hành	Tên doanh nghiệp bán hàng/MST	Số tiền thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn		Số tiền thuế giá trị gia tăng ngân hàng thương mại đã ứng trước hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	Số tiền dịch vụ ngân hàng thương mại được hưởng	Tổng số tiền đề nghị thanh toán	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8 = 6 + 7*	*9*
Tổng cộng								

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng chữ:.....

....., ngày..... tháng..... năm....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 7[13]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN THUẾ **RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số...../QĐ-	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này;

- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Ngân hàng..... tại công văn số..... ngày..... về việc đề nghị thanh toán tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng.

---

[13] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán cho ngân hàng thương mại..... (mã số thuế....), số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng, kỳ đề nghị thanh toán từ ngày...../.../.... đến ngày..../..../..... là..... đồng

(bằng chữ:.....), trong đó:

- Số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài:..... đồng.

- Số tiền phí dịch vụ được hưởng:..... đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngân hàng....., ... (Trưởng các bộ phận có liên quan của cơ quan thuế) và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Kho Bạc Nhà nước (để phối hợp);
- Cục HQ... (để phối hợp);
- Lưu.., VT

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 8[14]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp: (1).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại.....; Số Fax:..... Email.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày....tháng.....năm....

Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....(chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến việc đăng ký cửa hàng bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng)

Ngày.....doanh nghiệp...(1) đã được Cục Thuế...(2).....công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Nay, do...(3).....đề nghị Cục Thuế.....điều chỉnh/bổ sung:

- Cửa hàng (địa chỉ):.....(4).....
- Đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (địa chỉ):.....(4).....
- Kinh doanh các mặt hàng:.....
- Thông tin chữ ký số (5).....
- Số điện thoại.....; Số Fax:.....; Email.....

[14] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Được điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

..... (1) cam kết thực hiện..... và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

.....(1) kính đề nghị Cục Thuế/Chi cục Thuế..... điều chỉnh.....(4) doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu...	

Ghi chú: (1): ghi tên doanh nghiệp đăng ký; (2) Ghi tên Cục thuế đã cấp giấy công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế, (3): ghi lý do sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh; (4) Ghi nội dung đề nghị điều chỉnh; (5) Ghi chi tiết theo các thông tin sau: số định danh chứng thư số, tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số, tên người được cấp chứng thư số, ngày hiệu lực, ngày hết hiệu lực, khóa công khai. Trường hợp các địa điểm bán hàng đều dùng chung một chữ ký số thì chỉ phải ghi một lần.

Phụ lục 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v Báo cáo định kỳ hàng quý việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng	*....., ngày..... tháng... năm 20...*

Kính gửi: Cục Thuế/Chi cục Thuế.....

Tên doanh nghiệp: (1)..... Mã số thuế:.....

Địa chỉ cửa hàng/đại lý của cửa hàng (2):.....

Văn bản của Cục Thuế..... công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng số..... ngày:.....

Báo cáo việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

1. Tổng số hóa đơn bán hàng:
2. Tổng số doanh thu ghi trên hóa đơn:
3. Tổng số thuế giá trị gia tăng:
4. Kỳ tính thuế:..... tháng..... năm....

.....(1) báo cáo để Cục Thuế/Chi cục Thuế..... biết./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu...	**Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: (1): Ghi tên doanh nghiệp

(2):Ghi tên cửa hàng của doanh nghiệp/cửa hàng đại lý (nếu nhiều cửa hàng thì mỗi cửa hàng lập báo cáo riêng kèm theo công văn báo cáo).

Phụ lục 10[15]

DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐẦU VÀO CỦA HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Danh mục dữ liệu dùng chung

STT	Tên danh mục
1	Cơ quan hải quan
2	Cơ quan thuế
3	Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng
4	Loại hình xuất cảnh
5	Loại hình nhập cảnh
6	Quốc tịch
7	Thông tin người mua hàng
8	Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng

[15] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

II. CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
II.1. Thông tin do doanh nghiệp bán hàng lập		
1	Số hóa đơn	
2	Ký hiệu hóa đơn	
3	Ngày hóa đơn	
5	Tên đơn vị bán hàng	
6	Mã số thuế	
7	Địa chỉ	
8	Số điện thoại	Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế
9	Email	Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế
Thông tin người mua hàng		
10	Số hộ chiếu/Giấy tờ nhập xuất cảnh	
11	Quốc tịch	
12	Họ và tên	
13	Ngày cấp hộ chiếu	
14	Ngày hết hạn hộ chiếu	
Thông tin hàng hóa		
15	Tên hàng hóa	bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
16	Xuất xứ hàng hóa (đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu)	
17	Đơn vị tính	
18	Số lượng	
19	Đơn giá	
20	Thành tiền	
21	Tổng tiền hàng	
22	Thuế suất	
23	Tiền thuế giá trị gia tăng	
24	Tổng cộng tiền thanh toán	
25	Số tiền bằng chữ	
II.2. Thông tin cán bộ hải quan nhập liệu để xác nhận hóa đơn hoàn thuế		
26	Số lượng hàng hóa người nước ngoài ký gửi	Số lượng hàng hóa người nước ngoài gửi tại khu ký gửi
27	Số lượng hàng hóa người nước ngoài mang theo vào khu cách ly (xách tay)	
28	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
29	Số tiền người nước ngoài được hoàn	

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
30	Đối chiếu với thông tin của cơ quan thuế về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế	
31	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Đồng ý hoàn thuế; - Từ chối hoàn thuế
32	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu chọn "Từ chối hoàn thuế" cần nêu rõ lý do từ chối
33	Ngày giờ xác nhận hoàn thuế	
34	Nhập âm số tiền hoàn thuế	Trong trường hợp hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được xác nhận hoàn nhưng khách hàng lại mang hàng trở lại Việt Nam
35	Nước xuất cảnh	
36	Loại hình nhập cảnh	Chọn trong danh mục do Hệ thống cung cấp
37	Loại hình xuất cảnh	Chọn trong danh mục do Hệ thống cung cấp
II.3. Thông tin ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế nhập liệu		
38	Nhập số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh	
39	Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh	

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
40	Hình thức hoàn thuế	- Tiền mặt - Qua thẻ
41	Ngày giờ hoàn thuế	
42	Tổng số lượng hàng hoàn thuế	
43	Xác nhận hoàn thuế	Chọn 1 trong 2 lựa chọn - Đồng ý hoàn thuế; - Từ chối hoàn thuế
44	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu chọn "Từ chối hoàn thuế" cần nêu rõ lý do từ chối
45	Phí dịch vụ hoàn thuế	
II.4. Thông tin do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan hải quan		
46	Thông tin doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài	Chi tiết theo các chỉ tiêu: 1. Thông tin doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện. 2. Thông tin địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng: Tên chi nhánh/cửa hàng, mã số thuế (nếu có), địa chỉ; số, ngày thông báo về việc công nhận bán hàng hoàn thuế của cơ quan thuế; số, ngày thông báo về việc chấm dứt bán hàng hoàn thuế của cơ quan thuế.

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
		3. Thông tin chữ ký số của địa điểm bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. - Số định danh chứng thư số; - Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số; - Tên người được cấp chứng thư số; - Ngày hiệu lực; - Ngày hết hiệu lực; - Khóa công khai. 4. Thông tin điều chỉnh/bổ sung việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài của doanh nghiệp về: - Cửa hàng (địa chỉ); - Đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (địa chỉ); - Các mặt hàng điều chỉnh, bổ sung; - Thông tin chữ ký số bao gồm: Số định danh chứng thư số; tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số; tên người được cấp chứng thư số; ngày hiệu lực; ngày hết hiệu lực; khóa công khai; - Số điện thoại, số fax, email.
47	Quyết định về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại	- Số, ngày quyết định. - Số tiền thanh toán: số tiền đã ứng trước, phí dịch vụ

STT	Tên chỉ tiêu	Ghi chú
II.5. Thông tin do cơ quan hải quan cung cấp cho cơ quan thuế		
48	Số tiền thuế người nước ngoài được hoàn	Chi tiết theo các chỉ tiêu: 1. Đơn vị hải quan xác nhận 2. Thông tin hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; ký hiệu, số, ngày tháng năm phát hành; tên doanh nghiệp bán hàng; mã số thuế doanh nghiệp; số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn 3. Thông tin của ngân hàng: ngân hàng thực hiện hoàn, ngày hoàn, số tiền thuế ngân hàng đã ứng trước, số tiền phí dịch dụ ngân hàng được hưởng

Phụ lục 11[16]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-TCHQ	*...., ngày... tháng.... năm....*

THÔNG BÁO

Về sự cố kỹ thuật của Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài của Tổng cục Hải quan

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

Do sự cố kỹ thuật, Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài sẽ tạm dừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng... năm...

Tổ chức, đơn vị có liên quan cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: http://www.customs.gov.vn hoặc gọi điện tới số hotline: <024.39440833> để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Hải quan thông báo để các tổ chức, đơn vị có liên quan được biết.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

< chữ ký số của Tổng cục Hải quan >

[16] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.